

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 06 - 2022
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng

Ông Đinh Chí Hiền

- Thư ký Phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1995.

Cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Võ Văn M**, sinh năm 1991.

Cư trú tại: Ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị K trình bày, chị và anh M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức cưới gả theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay nên chị K yêu cầu xin ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị K xác định có 01 con chung tên Võ Quỳnh N, sinh ngày 17/7/2013, hiện đang sống chung với anh M. Khi ly hôn chị K đồng ý giao cháu N cho anh tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Võ Văn M, Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh M từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh M biết được việc yêu

cầu ly hôn của chị K, nhưng anh M vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị K.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị K về việc xin ly hôn với anh Võ Văn M thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh M là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, anh M là bị đơn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị K trình bày, chị và anh M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức cưới gả theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay nên chị K yêu cầu xin ly hôn với anh M.

Theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Như vậy, trường hợp của chị K và anh M sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, đã có yêu cầu ly hôn và Tòa án đã thụ lý giải quyết. Do đó, cần tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn M.

[4] Về con chung: Chị K xác định có 01 con chung tên Võ Quỳnh N, sinh ngày 17/7/2013, hiện đang sống chung với anh M. Khi ly hôn chị K đồng ý giao cháu N cho anh tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không đặt ra yêu cầu.

Mặc dù không có ý kiến của anh M, nhưng yêu cầu của chị K là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tiếp tục giao cháu Võ Quỳnh N, sinh ngày 17/7/2013 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi nào có tranh chấp về người trực tiếp nuôi dạy con chung và cấp dưỡng của các đương sự thì có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị K xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị K nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn M.

Về con chung: Giao cháu Võ Quỳnh N, sinh ngày 17/7/2013 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng (hiện đang sống chung với anh M). Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị K xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình chị K nộp 300.000đ. Vào ngày 04 tháng 3 năm 2022, chị K đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0014794 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- **UBND xã T, H.Thới Bình;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Diệp Chí Nguyên